



TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

NGUYỄN QUANG NGỌC
(*Chủ biên*)



YÊN
EU



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TIẾN TRÌNH
LỊCH SỬ VIỆT NAM

NGUYỄN QUANG NGỌC (Chủ biên)
VŨ MINH GIANG – ĐỖ QUANG HUNG – NGUYỄN THỪA HỠ
NGUYỄN ĐÌNH LÊ – TRƯƠNG THỊ TIẾN – PHẠM XANH

TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

(Tái bản lần thứ mười ba)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI GIỚI THIỆU

Cùng với công cuộc đổi mới đất nước, sử học Việt Nam hơn 10 năm qua đã có những chuyển biến sâu sắc trên con đường đổi mới tư duy và phương pháp nghiên cứu. Bên cạnh mảng đề tài truyền thống chống ngoại xâm, truyền thống đấu tranh cách mạng vẫn tiếp tục được triển khai theo chiều sâu, giới sử học tập trung nhiều hơn sự quan tâm đến những vấn đề về kinh tế- xã hội, văn hoá..., nhìn nhận và đánh giá lịch sử đất nước toàn diện hơn, khách quan hơn và ngày càng tiệm cận với chân lý lịch sử. Nhiều sách giáo khoa, giáo trình phản ánh được những thành tựu mới của sử học và đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục truyền thống trong nhà trường.

Trên cơ sở rút kinh nghiệm và cải tiến các bộ giáo trình lịch sử Việt Nam trước đây cho phù hợp với yêu cầu mới, Đại học Quốc gia Hà Nội đã quyết định xây dựng môn học **Tiến trình lịch sử Việt Nam** thành môn học chính thức thuộc khối kiến thức chung cho sinh viên nhóm ngành VI.

Cuốn sách được soạn thảo theo tinh thần bám sát để cương **Tiến trình lịch sử Việt Nam** đã được Đại học Quốc gia Hà Nội thẩm định và thông qua, bảo đảm cung cấp cho sinh viên những kiến thức vừa cơ bản, vừa hệ thống về quá trình phát triển liên tục của lịch sử Việt Nam từ khi có con người xuất hiện trên đất nước ta cho đến ngày nay. Cuốn sách cố gắng phản ánh những thành tựu mới của khoa học lịch sử trong nước và trên thế giới cũng như những nghiên cứu chuyên sâu của mỗi tác giả và được trình bày theo quan điểm chính thống, trên tinh thần kết hợp chặt chẽ, hài hòa truyền thống và hiện đại. Tuy nhiên trong khuôn khổ của một cuốn giáo trình giản yếu, các tác giả mới chỉ chú trọng cung cấp cho sinh viên một bức tranh tổng quan về diễn tiến lịch sử với những đặc điểm chủ yếu, những quy luật phát triển cơ bản của lịch sử đất nước mà chưa thể đi sâu, trình bày, lý giải một cách đầy đủ, cặn kẽ các vấn đề, các sự kiện.

Trong khi một bộ giáo trình lịch sử Việt Nam đầy đủ và cập nhật còn đang trong kế hoạch xây dựng, trong khi các bộ thông sử Việt Nam đã quá lâu chưa được sửa chữa, bổ sung thì **Tiến trình lịch sử Việt Nam** mặc dù chỉ là cuốn lịch sử giản yếu, vẫn đáp ứng được phần nào nhu cầu học tập chuyên sâu của sinh viên chuyên ngành lịch sử thuộc các trường đại học, nhu cầu nghiên cứu, tham khảo của độc giả trong và ngoài nước quan tâm và yêu mến lịch sử dân tộc.

Sách được chia ra làm hai phần: **Cổ trung đại** và **Cận hiện đại**. Phần **Cổ trung đại** được giới thiệu trong 6 chương bám sát tiến trình phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội từ công xã nguyên thủy qua phương thức sản xuất châu Á, chế độ phong kiến đến trước khi nước ta bị thực dân Pháp xâm lược. Phần **Cận hiện đại** được tính từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (năm 1858) cho đến nay, được trình bày trong 7 chương, trong đó, 4 chương thuộc giai đoạn cận đại (1858–1945) và 3 chương thuộc giai đoạn hiện đại (1945 đến nay).

Chủ biên, trên cơ sở bàn bạc nhất trí với tập thể tác giả về những nội dung, nguyên tắc trình bày, lôgic của đề cương và từng vấn đề đã phân công cụ thể như sau:

1. Phần Cổ trung đại:

- Chương I, II : GS. TS Nguyễn Quang Ngọc.
- Chương III, IV : PGS. TS Nguyễn Thừa Hỷ.
- Chương V, VI : GS. TSKH Vũ Minh Giang.

2. Phần Cận hiện đại:

- Chương VII, VIII : GS. TS Đỗ Quang Hưng.
- Chương IX, X : PGS. TS Phạm Xanh.
- Chương XI, XII : PGS. TS Nguyễn Đình Lê.
- Chương XIII : PGS. TS Trương Thị Tiến.

Mặc dù các tác giả đã hết sức cố gắng, nhưng chắc chắn cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi hy vọng nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu của bạn đọc gần xa về cả nội dung, hình thức, phương pháp nghiên cứu và trình bày để các tác giả có thêm cơ hội nâng cao và hoàn thiện cuốn sách nhằm phục vụ ngày một tốt hơn, hiệu quả hơn cho chương trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu Lịch sử Việt Nam.

Sách được tổ chức biên soạn và hoàn thành trong khuôn khổ **Chương trình giáo trình** của trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, được sự động viên giúp đỡ của Nhà xuất bản Giáo dục, sự quan tâm đóng góp ý kiến của các Giáo sư Đinh Xuân Lâm, Phan Đại Doãn, Lê Mậu Hãn nhiều nhà sử học trong Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, đặc biệt là các thầy cô giáo trực tiếp giảng dạy môn **Tiến trình lịch sử Việt Nam** cũng như nhiều khóa sinh viên các khoa xã hội và nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Chúng tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến tất cả những sự giúp đỡ quý báu đó.

CÁC TÁC GIẢ

MỞ ĐẦU

Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, phía bắc giáp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, phía tây và tây nam giáp các nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia, phía đông và phía nam giáp Thái Bình Dương với 3260 km đường bờ biển và khoảng trên 3000 hòn đảo lớn nhỏ. Việt Nam rộng khoảng 330.000 km² đất liền và phần biển rộng lớn gấp nhiều lần so với phần đất liền. Do có vị thế tự nhiên đặc biệt như vậy nên Việt Nam sớm trở thành một chiếc cầu nối giữa châu Á và Thái Bình Dương, giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo, nơi giao điểm của các luồng đường, luồng hàng từ Đông sang Tây, từ Nam lên Bắc, nơi tiếp xúc và giao thoa của nhiều nền văn hoá, văn minh lớn trên thế giới.

Sự tích *Hồng Bàng* giải thích nguồn gốc của dân tộc Việt Nam là sự “kết duyên”, hòa hợp của hai giống Tiên – Rồng. Tiên là Âu Cơ, thuộc Lạc quốc ở trên cạn và Rồng là Lạc Long Quân thuộc Thủy quốc ở miền duyên hải, hải đảo. Những huyền thoại này được kiểm chứng bằng các di tích, di vật khảo cổ học phong phú, đa dạng và liên tục, xác nhận một thực tế hiển nhiên là cùng với quá trình hình thành đất nước, con người Việt Nam, tổ tiên ta đã đồng thời khai chiếm cả núi rừng, đồng bằng và biển cả, đã triệt để khai thác và thích nghi với điều kiện tự nhiên, tạo nên thế mạnh căn bản của cộng đồng ngay từ thuở khai sinh.

Thiên nhiên Việt Nam đa dạng, trên đại thể bao gồm các vùng đồng bằng ven biển, trung du, cao nguyên và núi rừng. Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới – gió mùa, nắng lắm, mưa nhiều, có nhiều vùng tiểu khí hậu và thế giới động, thực vật phong phú. Trong lòng đất Việt Nam tàng trữ nhiều loại khoáng sản có giá trị kinh tế cao. Đây có thể được coi như là một vùng thiên nhiên “hào phóng”, nhưng trái lại, nó cũng vô cùng khắc nghiệt, dữ dằn, có thể bất thường gây ra muôn vàn tai hoạ cho con người.

Việt Nam hiện nay có 54 tộc người với hơn 85 triệu dân, trong đó riêng người Kinh (hay người Việt) chiếm khoảng 87% và 53 tộc người thiểu số chiếm khoảng 13% dân số. Về phương diện ngôn ngữ, các tộc người sinh sống trên đất Việt Nam thuộc 8 nhóm ngôn ngữ của các hệ Nam Á, Thái, Nam Đảo và Hán Tạng như: Môn – Khme, Việt – Mường, Mông – Dao, hỗn hợp Nam Á, Tày – Thái, Tạng – Miến, Hán, Nam Đảo. Lãnh thổ và cư dân Việt Nam được hình thành và định hình trong tiến trình lịch sử đất nước. Lịch sử Việt Nam là lịch sử của một cộng đồng cư dân nhiều tộc người, có tộc người đa số, có các tộc người thiểu số, có tộc người đến trước, có tộc người đến sau, nhưng một khi đã hòa chung vào cộng đồng dân tộc Việt Nam thì chung sức chung lòng cùng nhau dựng nước và giữ nước. Suốt trong chiều dài lịch sử, nhân dân các dân tộc cả đa số và thiểu số, cả miền núi và miền xuôi đã cùng nhau xây đắp nên phẩm chất, cốt cách của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam, tạo dựng nên một nền văn hoá, văn hiến Việt Nam độc đáo, với nhiều giá trị cao đẹp.

Sẽ thật là có lý nếu coi lịch sử chống ngoại xâm như là một đặc điểm nổi bật và xuyên suốt tiến trình lịch sử Việt Nam. Cũng cần phải khẳng định là chính lịch sử chống ngoại xâm đã quy định nhiều đặc điểm của bản sắc văn hóa Việt Nam, xã hội Việt Nam. Nhưng lịch sử chống ngoại xâm không phải là toàn bộ lịch sử dân tộc, mà trái lại, sự phát triển kinh tế, những thành tựu về văn hoá, xã hội... lại chính là cơ sở tồn tại và phát triển của đất nước, là sức mạnh vật chất và tinh thần để dân tộc ta vượt qua những thử thách hiểm nghèo, làm nên những chiến công thần kỳ trong sự nghiệp chống ngoại xâm. Lịch sử xây dựng và bảo vệ đất nước gian truân và hào hùng đã kết tinh thành những giá trị truyền thống tiêu biểu cho sức sống và bản sắc dân tộc, đã để lại cho hôm nay và mai sau những bài học lịch sử, những di sản vô giá.

Phần thứ nhất

LỊCH SỬ VIỆT NAM CỔ – TRUNG ĐẠI

(Từ nguồn gốc đến năm 1858)

Chương I

VIỆT NAM TỪ TIÊN SỬ ĐẾN THỜI DỰNG NƯỚC

I – VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THỦY

1. Thời đại đá cũ và dấu vết người vượn ở Việt Nam

Việt Nam nằm trong khu vực Đông Nam Á, được coi là một trong những trung tâm phát sinh và phát triển của loài người. Khảo cổ học đã phát hiện được rằng người vượn ở các hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn), nhiều công cụ chạt thô sơ của người vượn ở Núi Đọ, Quan Yên, Núi Nuông (Thanh Hoá)⁽¹⁾. Tại các địa điểm Hàng Gòn và Dấu Giây (Xuân Lộc, Đồng Nai) và An Lộc (Lộc Ninh, Bình Phước) cũng có một số công cụ đá như rìu tay, trớp pơ của người vượn. Như vậy là vào thời *Cánh tân* (cách ngày nay khoảng từ 20 đến 30 vạn năm) ở cả trên hai miền Bắc, Nam nước ta đều đã phát hiện được dấu tích sinh sống của người vượn.

Thời Cánh tân (Pleistocene) được chia thành 3 giai đoạn: sơ kỳ, trung kỳ và hậu kỳ, tương đương với thời đại đá cũ (Palaeolithic) trong lịch sử loài người. Tiếp theo là thời *Toan tân* (Holocene) tương đương với thời kỳ từ khi con người bước vào thời đại đá mới (Neolithic) cho đến ngày nay.

Do hoàn cảnh lúc đó, để tồn tại, họ phải dựa vào nhau sống thành từng bầy, mỗi bầy có khoảng từ 20 đến 30 người; có thể mỗi bầy như thế lại là tập hợp của một nhóm gia đình mẫu quyền gồm từ 5 đến 7 gia đình. Người Vượn ở Núi Đọ sống bằng săn bắt và hái lượm. Họ săn được cả loài thú lớn. Để săn được thú lớn, họ phải tập hợp nhau lại thành đám đông, có tổ chức phối hợp hành động, có cam kết với nhau về cách thức ăn chia. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng người vượn ở Núi Đọ dần dần đạt tới hình thức *xã hội tiền thị tộc*.